

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS - PT.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020

“V/v: Bồi thường

thiệt hại ngoài hợp đồng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Ai;

Bà Lê Thị Thu Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2019/TLDS - PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐPT - DS ngày 18 tháng 2 năm 2020, các quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa số: 99/2020/TB – TA ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ 1, phố V, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trịnh Thị Việt K, sinh năm 1994. Địa chỉ: VP6, phố L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn Cẩm T, xã Cẩm L, Suối H, Huyện B, TP Hà Nội. (Bà H, ông Đ, bà K, ông P có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Tổ 1, phố V, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thu Thủy, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Bà L, bà T có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Xuân V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 1, Phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K và Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Công Đ và đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà H trình bày:

Năm 1994, vợ chồng ông Đ và bà H mua lại 01 ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất có sẵn của gia đình bà Phạm Thị Thu O. Địa chỉ: Tổ 1, Phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Phía bên phải giáp hộ bà L, phía bên trái giáp hộ ông H. Đến năm 1997 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ, bà H với diện tích 172 m². Đến năm 2002, được cấp đổi quyền sử dụng đất số: 612785, tờ bản đồ số 38 diện tích 129.6 m². Trong thời gian sử dụng ông Đ và bà H không sửa chữa gì mà chỉ làm chống nóng ở tầng 3. Khi mua nhà đất của bà O, hai bên không có thỏa thuận gì, không bàn giao gì về việc chung tường với hộ khác. Gia đình sử dụng ổn định từ đó đến nay. Đến ngày 07/7/2017 nhà bà L cùng con trai là Hà Xuân V thuê thợ làm nhà đập phá một phần tường của ngôi nhà này dẫn đến phần tường bị rạn nứt. Trước khi tiến hành làm, gia đình bà L không có ý kiến gì với gia đình ông Đ và bà H về việc phá dỡ tường. Khi thợ bắt đầu tiến hành đập phá tường, gia đình đã ngăn cản nhưng phía nhà bà L vẫn cố ý làm. Ngay khi gia đình bà L tiến hành phá dỡ, gia đình bà H đã báo chính quyền địa phương nhưng đến ngày 08/7/2017, UBND thị trấn T mới giải quyết và lập biên bản. Nhưng biên bản của UBND thị trấn T ngày 08/7/2017 đã bị thay đổi, không có chữ “thỏa thuận đập phá tường” và trang 1, trang 2 đã mất chữ ký nháy của bà. Theo ông Đ, bà H biên bản đã bị thay đổi và không đúng nội dung, gia đình không đồng ý cho gia đình bà L đập phá tường. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H, ông Đ cũng không yêu cầu giám định đối với biên bản này. Tại phiên tòa ngày 28/8/2019, bà H và ông P có yêu cầu giám định đối với biên bản ngày 08/7/2017 nhưng đến ngày 10/9/2019 bà H và bà K - đại diện theo ủy quyền của bà H có đơn xin rút yêu cầu giám định đối với biên bản này.

Ngoài ra, theo bà H biên bản lập ngày 18/6/2010 có sự tham gia của chính quyền địa phương và các bên nhưng nội dung trong biên bản là không đúng vì năm 2010 hai gia đình không có tranh chấp gì về ranh giới đất và bức tường mà chỉ tranh chấp về ao bèo phía đằng sau nhà.

Phía nguyên đơn thừa nhận việc đo đạc, kiểm định của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ là chính xác nhưng không nhất trí với kết quả kiểm định, đánh giá hiện trạng công trình của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ về mức đánh giá thiệt hại không chính xác, chỉ đánh giá về hư hại ở trong nhà, còn bức tường bị đập phá bên ngoài thì chưa được kiểm định. Thực tế cả ngôi nhà hiện nay đã hư hỏng nặng không thể tiếp tục sử dụng được nữa, về giá tiền để khắc phục hậu quả

quá thấp so với những thiệt hại thực tế. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không yêu cầu cơ quan chuyên môn nào khác tiến hành giám định lại. Nay ông Đ, bà H yêu cầu bà L, anh V phải bồi thường thiệt hại để phía nguyên đơn xây lại ngôi nhà với giá 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Và bà H, ông Đ yêu cầu gia đình bị đơn phải bồi thường cho gia đình bà thiệt hại về tinh thần là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); sức khỏe bị tổn hại do việc phá dỡ bức tường của nhà bà L, anh V gây ra vì từ khi sự việc xảy ra ông Đ liên tục ốm đau, sức khỏe suy giảm và phải điều trị lâu dài với số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Phía bị đơn Bà Nguyễn Thị L và đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Năm 1988, Hợp tác xã mua bán có cho gia đình bà L xây dựng nhà trên mảnh đất bà L đang ở để kinh doanh hàng ăn. Năm 1989, Hợp tác xã mua bán giải thể và ưu tiên gia đình bà L được mua thanh lý toàn bộ nhà và đất. Bà L cũng không nhớ diện tích đất là bao nhiêu. Năm 1990, chồng bà L mua thanh lý nốt mảnh đất bên cạnh (hiện nay là nhà của gia đình ông Đ và bà H) cho em chồng bà là ông Hà Quang H. Năm 1991, ông H xây nhà và có thỏa thuận với gia đình bà L đất hẹp nên hai hộ xây chung móng chung tường mỗi bên sử dụng 10 cm tường, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau không hề có văn bản giấy tờ gì. Ông H có phá dỡ 10 cm tường nhà bà để ông H xây dựng tường mới. Bà L không nhớ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm nào, đến năm 2008 bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà. Ngày 18/6/2010, trong Biên bản làm việc của UBND thị trấn T về việc giải quyết ranh giới đã thỏa thuận khi gia đình bà L được quyền xây dựng ốp sát vào tường nhà ông Đ, được phép đặt gạch xây dựng lên phần xây dựng đã có sẵn của nhà ông Đ. Tháng 7/2017 gia đình bà L tiến hành xây nhà và phá dỡ bức tường xây chung với nhà ông Đ và bà H vì đó là bức tường chung của hai gia đình. Trước khi tiến hành phá dỡ tường của gia đình ông Đ và bà H, gia đình bà L có sang nói chuyện về việc này và ông Đ bà H có biết và đồng ý về việc này. Nhưng bắt đầu tiến hành phá dỡ thì ông Đ bà H lại ngăn cản và mời khu, UBND thị trấn T lên tiến hành lập biên bản ngày 08/7/2017, gia đình bà L và ông V đồng ý với biên bản này. Nay ông Đ và bà H yêu cầu gia đình bà L và anh V bồi thường 1,5 tỷ đồng để xây nhà bà không đồng ý, bà cũng không đồng ý bồi thường gì về thiệt hại về tinh thần và sức khỏe vì việc đó không liên quan đến gia đình bà, bà chỉ đồng ý bồi thường, khắc phục sửa chữa những vết nứt mới do việc tháo dỡ gây ra. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Hà Xuân V: Đối với việc phá dỡ và xây dựng nhà bà L là chủ, bà đứng ra thuê thợ và chỉ đạo việc xây dựng. Anh là con nên chỉ giúp đỡ bà. Đối với việc phá dỡ gia đình anh chỉ phá dỡ 10 cm tường chung của hai gia đình, anh V không đồng ý bồi thường.

Kháng cáo:

Ngày 01/10/2019, Bà Nguyễn Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý với phần quyết định về việc bà phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền 70.162.400 đồng.

Ngày 03/10/2019, Bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K kháng cáo với nội dung: Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Anh Hà Xuân V là bị đơn trong vụ án; bức tường bị hủy hoại là tài sản thuộc sở hữu riêng của gia đình bà H không phải là sở hữu chung giữa nhà bà Nguyễn Thị H và Bà Nguyễn Thị L; phần bồi thường thiệt hại về tài sản đề nghị căn cứ vào thiệt hại thực tế khách quan để bồi thường, khắc phục hậu quả; về yêu cầu bồi thường về sức khỏe và tinh thần của cả gia đình phía nguyên đơn; bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần, tiền khám chữa bệnh, tiền đi lại cho ông Nguyễn Công Đ.

Tại phiên tòa, bà H và bà L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- *Phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là bà Trịnh Thị Việt K trình bày:* Về nội dung trình bày của bà H bà nhất trí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND huyện T, cho tiến hành thu thập chứng cứ đối với các nội dung cụ thể: Thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà H năm 1997; thẩm định tại chỗ phần tường và móng đang tranh chấp; thu thập hồ sơ chứng minh quyền sử dụng đất của nhà bà L qua các thời kỳ; lấy ý kiến của các vị bộ lão là nhân chứng lịch sử chứng kiến sự hình thành, tồn tại của căn nhà bà H đang ở từ năm 1994 cho đến nay và với phần đất cạnh nhà bà L; thu thập ý kiến của bà O – người bán căn nhà cho bà H từ năm 1994 hoặc xem xét văn bản của nhà bà O về việc xác nhận nhà bà H không chung tường chung móng với nhà bà L đã có trong hồ sơ mà bị Tòa án nhân dân huyện T bỏ qua chi tiết này. Ngoài ra, bà L đề nghị xem xét nếu xác định có dấu hiệu tội phạm thì đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho công an huyện T để làm rõ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L và Bà Nguyễn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K và Bà Nguyễn Thị L trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DSST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, với các nội dung:

- Thứ nhất, *đối với đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Anh Hà Xuân V.* Xét thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bà L là người trực tiếp thuê thợ đến phá dỡ bức tường để phục vụ cho việc xây dựng nhà của bà L. Anh V là con bà L nhà ở gần đó có sang phụ giúp bà L trông coi việc phá dỡ nên bà L mới là chủ công trình xây dựng, khi thực hiện phá dỡ tường làm ảnh hưởng đến nhà bà H. Mặt khác, theo như đơn khởi kiện do bà H, ông Đ nộp thể hiện người bị kiện là Bà Nguyễn Thị L; hình thức nội dung đơn khởi kiện, phạm vi khởi kiện và quyền quyết định việc khởi kiện là của bà H, ông Đ phù hợp với điều 5, 188, 189 bộ luật tố tụng dân sự nên bị đơn trong vụ án này được xác định là Bà Nguyễn Thị L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng không buộc anh V phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà L bồi thường những thiệt hại cho vợ chồng ông Đ, bà H là có căn cứ.

- Thứ hai: *Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đề nghị căn cứ vào thiệt hại thực tế khách quan để bồi thường, khắc phục hậu quả.* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh chấp về mốc giới giữa gia đình bà H và gia đình bà L từ năm 2010. Ngày 18/6/2010, hai bên gia đình đã có biên bản thỏa thuận dưới sự chứng kiến của UBND thị trấn T, với nội dung thống nhất: *Sau này hộ bà L có xây dựng hoặc bán lại cho bất cứ hộ gia đình nào thì được quyền xây ốp sát vào tường nhà ông Đ (được phép đặt gạch xây lên phần thanh dầm đã có sẵn của nhà ông Đ, chiều dài từ đầu dầm phía mặt đường QL32A ra phía sau là 7m. Vị trí ranh giới giữa hộ ông Đ và hộ bà L sau khi xây dựng không còn khe hở.* Như vậy, theo như nội dung biên bản thỏa thuận ngày 18/6/2010 thì gia đình bà L chỉ được phép xây ốp sát vào tường của gia đình bà H, ông Đ chứ không được đập một phần bức tường nhà ông Đ đang sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày 08/7/2017, hai bên gia đình tiếp tục có tranh chấp về ranh giới và cùng lập biên bản thống nhất, theo đó: *Hộ ông Đ đồng ý cho hộ bà L tháo dỡ phần tường cũ phía bên hộ bà L có chiều dày tường là 10cm đến vị trí thanh dầm trên tường thì hộ bà L không được đập phá thanh dầm mà sẽ xây dựng ốp sát vào tường nhà ông Đ.... trong quá trình tháo dỡ*

phần tường 10cm như nêu ở trên nếu ảnh hưởng gì đến công trình nhà xây của hộ ông Đ thì phía bên hộ bà L hoàn toàn chịu trách nhiệm. Với nội dung của biên bản này thì hai bên thỏa thuận hộ bà L được quyền tháo dỡ chiều dày bức tường là 10cm. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng Biên bản làm việc ngày 08/7/2017 đã bị thay đổi nội dung ở trang 01 và trang 02 nhưng qua xác minh thì không chứng minh được có sự thay đổi về nội dung ở trang 01 và trang 02 của Biên bản như bà H đã trình bày. Hơn nữa, tại phần cuối của Biên bản ngày 08/7/2017, bà H có ghi thêm “*Nếu hộ ông V đục đẽo gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật*”, điều này thể hiện có sự đồng ý của bà H, ông Đ về việc để gia đình bà L tháo dỡ một phần bức tường.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ kỹ thuật thửa đất của hộ bà H được cấp năm 2002 thì chiều rộng mặt đường của thửa đất là 3,51m. Nhưng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm và Báo cáo kết quả kiểm định đánh giá hiện trạng công trình của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Phú Thọ xác định thực tế sử dụng của gia đình bà H chiều rộng mặt đường là 3,56m (tăng so với hồ sơ cấp đất năm 2002 là 0,05m = 05cm).

Theo lời trình bày của ông Hà Quang H: Năm 1990, ông H có mua đất cùng với anh trai là ông Hà Xuân T (chồng bà L), trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H có thỏa thuận với ông T và bà L để ông xây nhà lán sang đất nhà ông Thái, bà L (khi đó đã xây làm cửa hàng ăn) là 0,40m để làm chung tường và chung móng. Khi đó ông H xây 1 tầng. Đến cuối năm 1991, ông có bán lại nhà cho bà Phạm Thị Thu O nhưng do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sau đó ông T, bà L làm thủ tục chuyển nhượng. Khi bán cho bà O, ông T có thông báo lại cho bà O biết việc hai gia đình chung tường nhà nhưng không có giấy tờ gì.

Mặc dù bà O, cũng như ông Đ, bà H không thừa nhận có sự bàn giao về việc chung tường như ông H trình bày, nhưng theo báo cáo kết quả kiểm định đánh giá hiện trạng công trình của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Phú Thọ thì: Công trình được thi công móng gạch được xây giật cấp thành 4 cấp (móng ngoài nhà). Móng trong nhà được xây giật thành 2 cấp (trang 7). Như vậy, phần móng nhà được xây là móng cân, một phần móng nằm ngoài diện tích đất mà bà H, ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhà bà L tháo dỡ 10cm tường thì bức tường nhà bà H, ông Đ phía giáp hộ nhà bà L là một mặt phẳng (trước khi tháo dỡ phần tường đó nhô ra 10cm so với phần tường còn lại).

Từ những phân tích trên thấy rằng, lời trình bày của ông H và bà L giữa hai gia đình trước kia có sự thỏa thuận về việc chung tường là có căn cứ.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ để xác định thiệt hại thực tế xảy ra đối với tài sản của gia đình bà H. Trên cơ sở kết quả xem xét

thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm đã mời đơn vị chuyên môn là Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ thẩm định, đánh giá xác định giá trị thiệt hại thực tế, cũng như nguyên nhân gây nên hư hỏng của công trình để làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo đó, tổng giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa công trình là 87.703.000đ. Nguyên nhân các vết nứt và hư hỏng của công trình là do nhiều nguyên nhân gây nên trong đó có nguyên nhân do nhà bà L tháo dỡ phần tường chung nhưng không xác định được chính xác thiệt hại do việc tháo dỡ bức tường của nhà bà L gây nên là bao nhiêu. Tuy nhiên, cần phải khẳng định rằng nguyên nhân chính gây nên các vết nứt và hư hỏng của công trình là do việc gia đình bà L tháo dỡ bức tường chung gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại do gia đình bà L tháo dỡ bức tường gây ra là 80% trong tổng chi phí, buộc gia đình bà L phải bồi thường cho gia đình bà H, ông Đ số tiền 70.162.400đ là phù hợp.

- Thứ ba, bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K kháng cáo yêu cầu bồi thường về sức khỏe, tinh thần của cả gia đình bà, bồi thường tiền sức khỏe, tinh thần, tiền khám chữa bệnh, tiền đi lại cho ông Đ. Qua xem xét các phiếu khám chữa bệnh, đơn thuốc của ông Đ đã nộp thì xác định các bệnh của ông Đ đi khám và điều trị như thoái hóa chất trắng myelin não, rối loạn trí nhớ; các bệnh về xương khớp; các triệu chứng lâm sàng của người bị tai biến...là các bệnh lý và triệu chứng bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi chứ không thấy có mối quan hệ liên quan giữa hành vi phá dỡ bức tường của gia đình bà L là nguyên nhân dẫn đến việc ông Đ bị các bệnh lý đã nêu ở trên. Bản thân bà H, ông Đ không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu này. Do vậy, kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị L: Bà L kháng cáo không nhất trí bồi thường cho bà H, ông Đ số tiền 70.162.400đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Thủy và bà L đề nghị xem xét lại, chỉ chấp nhận mức bồi thường là 22.000.000đ. Xét thấy, việc hư hại về tài sản của gia đình bà H, ông Đ có nhiều nguyên nhân gây nên đã được cơ quan chuyên môn thẩm định, đánh giá. Trong những nguyên nhân này, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hư hại tài sản của gia đình ông Đ, bà H là do gia đình bà L thuê người phá dỡ một phần bức tường của gia đình bà L gây nên. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải bồi thường 80% giá trị thiệt hại 70.162.400đ là phù hợp. Kháng cáo của bà L không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Bà H, bà K đề nghị Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án huyện T, cho tiến hành thu thập đối với các nội dung: *Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của gia đình bà H năm 1997; thẩm định tại chỗ phần tường và móng đang tranh chấp; hồ sơ chứng minh quyền sử dụng đất của bà L qua các thời kỳ; lấy ý kiến của các bộ lão nhân chứng lịch sử chứng kiến sự hình thành, tồn tại của căn nhà bà đang ở từ năm 1994 đến nay với phần đất cạnh nhà bà L; thu thập ý kiến của bà O hoặc xem xét văn bản của bà O về việc xác nhận bà H không chung tường, chung móng với nhà bà L đã có trong hồ sơ mà Tòa án nhân dân huyện T*

bỏ qua chi tiết này; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì đề nghị chuyển hồ sơ cho Công an để điều tra việc bức tường bị đập phá. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị UBND huyện T cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, bà L năm 1997. Tuy nhiên, UBND huyện T không tìm thấy nên không cung cấp được cho Tòa án. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L năm 2002 và cấp đổi năm 2008 đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã mời cơ quan chuyên môn là Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Phú Thọ đánh giá hiện trạng công trình, thẩm định phần móng, phần tường đang tranh chấp, việc thẩm định, định giá này là khách quan, phù hợp với pháp luật nên không cần thẩm định lại. Về ý kiến trình bày của bà O cũng đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Theo như trình bày của bà O tại Bản tự khai ngày 15/8/2017: Bà O không công bố hoặc không có biên bản bàn giao xây chung tường với nhà bà L cho hộ ông Đ, bà H. Về nguồn gốc nhà đất bà O mua lại của ông Hào, khi mua cũng không có bàn giao việc chung tường với hộ bà L. Như vậy, theo ý kiến của bà O thì khi mua giữa bà O với ông H cũng như bà O với bà H, ông Đ không có sự bàn giao về việc chung tường, chứ bà O không xác nhận: bà H không chung tường, chung móng với nhà bà L đã có trong hồ sơ mà Tòa án T bỏ qua chi tiết này, như lời trình bày của bà H.

- Khi phá bỏ một phần bức tường, bà L chỉ có ý thức phá dỡ phần tường chung của gia đình nhà mình để xây nhà mới. Mặt khác, tại phần cuối của Biên bản ngày 08/7/2017, bà H có ghi thêm “Nhà tôi xây nhà từ năm 95 hộ nhà ông V xây dựng đục đẽo vào phần tường nhà tôi nếu xảy ra sự cố thì tôi yêu cầu bồi thường đúng theo luật nhà nước”. Điều này cũng đã thể hiện có sự đồng ý của bà H, ông Đ về việc để gia đình bà L tháo dỡ một phần bức tường. Do vậy, việc Công an huyện Tra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ.

- Để giải quyết triệt để vụ án thì cần phải xem xét giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai gia đình, sau đó mới xem xét đến việc bồi thường thiệt hại. Xét thấy: Theo như khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án dân sự khi có đơn khởi kiện và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Mặt khác, tòa án đã giải thích về việc đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trong cùng vụ án này, nhưng các đương sự không ai yêu cầu mà chỉ yêu cầu giải quyết về phần bồi thường thiệt hại do việc phá dỡ bức tường gây ra. Do vậy, không có căn cứ để hủy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo như đề nghị của bà H.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bà L được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Trịnh Thị Việt K và Bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2019/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 357 - Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 273- BLTTDS 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1 .Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H.

Buộc Bà Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền là: 70.162.400đ (Bảy mươi triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Bà L phải thanh toán một lần số tiền phải bồi thường cho ông Đ, bà H.

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền 30.184.000đ (Ba mươi triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng) chi phí giám định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Công Đ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí giám định đã nộp tại Tòa án ngày 28/8/2019.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số: 0001895 ngày 04/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang